

**CÔNG TY CỔ PHẦN N-LINK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN N-LINK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: N-LINK JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: N-LINK., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110243421

**3. Ngày thành lập:** 07/02/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 53, ngách 606/137, Tổ 28 đường Ngọc Thụy, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0398 234 686

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hóa                                                       | 8299        |
| 2.  | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam (CPC 622)                             | 4690(Chính) |
| 3.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam (CPC 631, 632) | 4799        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

tương đương 42.025 USD (bằng chữ: Bốn mươi hai nghìn không trăm hai mươi lăm đô la Mỹ)

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                   | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | AKARAN CO.,<br>LTD            | 1-6-16<br>Takadanobab,<br>quận Shinjuku,<br>thành phố Tokyo,<br>Nhật Bản           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000        | 250.000.000              | 25,000       | 0110-01-<br>090338                                                                                                     |            |
|     |                               |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                               |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                               |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                               |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                               |                                                                                    | Tổng số                            | 25.000        | 250.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                               |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | KARADANI<br>EIYOU CO.,<br>LTD | Tầng 1, 4-13-11<br>Kamikitazaw,<br>quận Setagaya,<br>thành phố Tokyo,<br>Nhật Bản  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000        | 250.000.000              | 25,000       | 0124-01-<br>030813                                                                                                     |            |
|     |                               |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                               |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                               |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                               |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                               |                                                                                    | Tổng số                            | 25.000        | 250.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                               |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                                |                                                                                                  |                                    |        |             |        |                    |  |
|---|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|--------------------|--|
| 3 | ARETOCORE<br>CORPORATION       | Tầng 3 tòa nhà<br>Union 1-6-16<br>Takadanobab,<br>quận Shinjuku,<br>thành phố Tokyo,<br>Nhật Bản | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 | 0111-01-<br>071063 |  |
|   |                                |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                    |  |
|   |                                |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                    |  |
|   |                                |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                    |  |
|   |                                |                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                    |  |
|   |                                |                                                                                                  | Tổng số                            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |                    |  |
| 4 | WAKASA<br>HADAKAMI<br>CO., LTD | Tòa nhà Union 1-<br>6-16<br>Takadanobab,<br>quận Shinjuku,<br>thành phố Tokyo,<br>Nhật Bản       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  | 0111-01-<br>084596 |  |
|   |                                |                                                                                                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |                    |  |
|   |                                |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                    |  |
|   |                                |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                    |  |
|   |                                |                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                    |  |
|   |                                |                                                                                                  | Tổng số                            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |                    |  |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông             | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức  | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | AKARAN CO., LTD         | 1-6-16 Takadanobab, quận Shinjuku, thành phố Tokyo, Nhật Bản          | Cổ phần phổ thông         | 25.000     | 250.000.000                                                             | 25,000    | 0110-01-090338                                                                                                |         |
|     |                         |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                         |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                         |                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                         |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                         |                                                                       | Tổng số                   | 25.000     | 250.000.000                                                             | 25,000    |                                                                                                               |         |
|     |                         |                                                                       |                           |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |
| 2   | KARADANI EIYOU CO., LTD | Tầng 1, 4-13-11 Kamikitazaw, quận Setagaya, thành phố Tokyo, Nhật Bản | Cổ phần phổ thông         | 25.000     | 250.000.000                                                             | 25,000    | 0124-01-030813                                                                                                |         |
|     |                         |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                         |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                         |                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                         |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                         |                                                                       | Tổng số                   | 25.000     | 250.000.000                                                             | 25,000    |                                                                                                               |         |
|     |                         |                                                                       |                           |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

|   |                                |                                                                                                  |                                    |        |             |        |                |  |
|---|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|----------------|--|
| 3 | WAKASA<br>HADAKAMI<br>CO., LTD | Tòa nhà Union 1-6-16<br>Takadanobab,<br>quận Shinjuku,<br>thành phố Tokyo,<br>Nhật Bản           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 | 0111-01-084596 |  |
|   |                                |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                |  |
|   |                                |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                |  |
|   |                                |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                |  |
|   |                                |                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                |  |
|   |                                |                                                                                                  | Tổng số                            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |                |  |
| 4 | ARETOCORE<br>CORPORATIO<br>N   | Tầng 3 tòa nhà<br>Union 1-6-16<br>Takadanobab,<br>quận Shinjuku,<br>thành phố Tokyo,<br>Nhật Bản | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  | 0111-01-071063 |  |
|   |                                |                                                                                                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |                |  |
|   |                                |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                |  |
|   |                                |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                |  |
|   |                                |                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                |  |
|   |                                |                                                                                                  | Tổng số                            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |                |  |

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: MATSUO TOSHIYUKI

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 29/09/1976

Dân tộc: Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TL0231552

Ngày cấp: 10/12/2013

Nơi cấp: Bộ Ngoại Giao Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: 3-7-33 Kitano, Thành phố Mitaka, Tokyo, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: 3-7-33 Kitano, Thành phố Mitaka, Tokyo, Nhật Bản

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/07/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027192005102

Ngày cấp: 08/07/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Khả Lễ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Khả Lễ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội